

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 56 1023 000 003

<i>Chứng nhận lần đầu,</i>	<i>ngày 14 tháng 11 năm 2007.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 01,</i>	<i>ngày 15 tháng 04 năm 2009.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 02,</i>	<i>ngày 22 tháng 12 năm 2009.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 03,</i>	<i>ngày 22 tháng 01 năm 2010.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 04,</i>	<i>ngày 10 tháng 05 năm 2011.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 05,</i>	<i>ngày 19 tháng 08 năm 2011.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 06,</i>	<i>ngày 29 tháng 11 năm 2011.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 07,</i>	<i>ngày 26 tháng 04 năm 2012.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 08,</i>	<i>ngày 21 tháng 05 năm 2012.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 09,</i>	<i>ngày 12 tháng 12 năm 2012.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 10,</i>	<i>ngày 26 tháng 03 năm 2014.</i>
<i>Chứng nhận thay đổi lần thứ 11,</i>	<i>ngày 18 tháng 04 năm 2014.</i>

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2005; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu năm 2005; Luật Doanh nghiệp năm 2005; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 và số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 và số 54/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của nhà nước; số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và số 05/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 về đăng ký doanh nghiệp; số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 và số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp; số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 38/2006/QĐ-TTg ngày 14/02/2006 và số 20/2011/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đảo Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới, tỉnh Kiên Giang; số 42/2007/QĐ-TTg ngày 29/3/2007 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Đầu tư phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; số 31/2013/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 về việc thành lập Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 về việc



ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 10/2007/TT-BTC ngày 05/02/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại đảo Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 41/2007/QĐ-UBND ngày 12/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý Đầu tư phát triển đảo Phú Quốc một số lĩnh vực đầu tư phát triển đảo Phú Quốc;

Xét Hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư, hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 11/04/2014 của Công ty Cổ phần tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang,

BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐẢO PHÚ QUỐC

Chúng nhận các nhà đầu tư:

1/ CÔNG TY TNHH TÀU CAO TỐC KIÊN GIANG.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41.02.008571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/02/2002.

- Người đại diện theo pháp luật:

+ Họ và tên: Bà **QUÁCH HỒNG.**

Chức vụ: Giám đốc.

+ Năm sinh: 1960.

Dân tộc: Hoa.

Quốc tịch: Việt Nam.

+ Giấy CMND số 020661672 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 07/02/2012.

+ Hộ khẩu thường trú: 343/28 Vĩnh Viễn, phường 5, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

+ Chỗ ở hiện nay: 130 lô AF, đường số 22, Khu dân cư Bình Hưng, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại: 08.54052583; Fax: 08.54052673.

2/ Ông PUAN KWONG SIING.

- Ngày sinh: 14/06/1965. Dân tộc: Hoa.

Quốc tịch: Malaysia.

- Hộ chiếu số: K24554905. Ngày cấp: 11/7/2011. Nơi cấp: Malaysia.

- Thường trú: 20 First Floor Tan Sri Road 96000 Sibu Sarawak, Malaysia.

- Chỗ ở hiện nay: 20 First Floor Tan Sri Road 96000 Sibu Sarawak, Malaysia.

3/ Ông TING CHEK HUA.

- Ngày sinh: 14/07/1965 Dân tộc: Hoa. Quốc tịch: Malaysia.

- Hộ chiếu số: K24041119. Ngày cấp: 02/03/2011. Nơi cấp: Malaysia.

- Thường trú: 12B, Jalan Kawi, Sibul, Sarawak, Malaysia, 96000.

- Chỗ ở hiện nay: 12B, Jalan Kawi, Sibul, Sarawak, Malaysia, 96000.

Và các nhà đầu tư khác đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư:

Nội dung đăng ký kinh doanh và thực hiện dự án đầu tư như sau:

Điều 1. Nội dung đăng ký doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG-KIÊN GIANG.

(Được chuyển đổi từ Công ty TNHH tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang, Giấy chứng nhận đầu tư số 56 1022 000 003, do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/11/2007).

- Tên tiếng Anh:

SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: **SUPERDONG FF-(KG) JOINT STOCK COMPANY.**

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty Cổ phần.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường 30/4, khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

4. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Mã ngành	Tên ngành
01	55111	Vận tải hành khách ven biển.
02	55121	Vận tải hàng hóa ven biển.
03	5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
04	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
05	4932	Vận tải hành khách đường bộ
06	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
07	55101	Khách sạn
08	5610	Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động
09	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống
10	79120	Điều hành tua du lịch
11	79200	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch

5. Vốn điều lệ: **174.748.540.000 VND** (Một trăm bảy mươi bốn tỷ bảy trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng Việt Nam).

- Tổng số cổ phần: **17.474.854 cổ phần** (Mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi bốn cổ phần).

- Mệnh giá cổ phần: **10.000 VND** (Mười nghìn đồng Việt Nam).

- Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp: **17.474.854 cổ phần**
= 174.748.540.000 VND.

Trong đó:

+ Công ty không có cổ đông sáng lập:

+ Tổng số 17.474.854 cổ (Mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm năm mươi bốn cổ phần), chiếm 100% vốn điều lệ do các nhà đầu tư sở hữu theo quy định của pháp luật.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

- Bà **HÀ NGUYỆT NHI**.

+ Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

+ Ngày sinh: 12/9/1981. Dân tộc: Hoa. Quốc tịch: Việt Nam.

+ Giấy CMND số 023469184 do Công an TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/04/2012.

+ Hộ khẩu thường trú: 343/29 Vĩnh Viễn, phường 05, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

+ Chỗ ở hiện nay: 343/29 Vĩnh Viễn, phường 05, quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.38666333; Fax: 08.38688273.

7. Thông tin về địa điểm kinh doanh:

7.1. Địa điểm kinh doanh 01:

Tên địa điểm kinh doanh: PHÒNG VÉ RẠCH GIÁ.

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Số 14, đường Tự Do, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Mã số địa điểm kinh doanh: 1700556108-001.

7.2. Địa điểm kinh doanh 02:

Tên địa điểm kinh doanh: PHÒNG VÉ HÀ TIÊN.

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Số 11, đường Trần Hậu, phường Bình San, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Mã số địa điểm kinh doanh: 1700556108-002.

Điều 2: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ TÀU CAO TỐC KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA VEN BIỂN, ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án: đầu tư 02 tàu cao tốc vận chuyển hành khách và hàng hóa ven biển, đường thủy nội địa, gồm:

- Tàu Superdong I: công suất 1.600 mã lực, sức chở 171 hành khách, tốc độ 26 hải lý/giờ.

- Tàu Superdong II: công suất 2.060 mã lực, sức chở 289 hành khách, tốc độ 30 hải lý/giờ.

3. Địa điểm thực hiện dự án: vùng biển Kiên Giang.

4. Tổng vốn đầu tư: 32.000.000.000 VND (Ba mươi hai tỷ đồng Việt Nam).

Tương đương: 2.000.000 USD (Hai triệu đô la Mỹ).

Trong đó:

+ Vốn của doanh nghiệp: 600.000 USD.

+ Vốn tự huy động: 1.400.000 USD.

5. Thời hạn thực hiện dự án: 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập Công ty tiến hành mua lại tàu Superdong I và Đóng mới tàu Superdong II tại Malaysia. Thời gian hoàn thành đưa các tàu vào khai thác sử dụng cuối năm 2007.

7. Các ưu đãi đối với dự án:

- Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án.

- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 09 năm tiếp theo, theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản pháp lý có liên quan.

- Được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản pháp lý có liên quan.

- Được xem xét cho áp dụng các hình thức hỗ trợ tín dụng đầu tư theo quy định của pháp luật về hỗ trợ tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước.

- Người lao động làm việc tại dự án nêu trên của Công ty Cổ phần tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang trên đảo Phú Quốc được giảm thuế thu nhập phải nộp cho

phần thu nhập có được, bao gồm thu nhập thường xuyên và không thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

Điều 3. Giấy chứng nhận đầu tư này đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang.

Điều 4. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Đầu tư phát triển đảo Phú Quốc./.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thanh Tùng

